TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **478**/2023/QĐST-HNGĐ	*Hoài Đức, ngày 29 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 480/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "tranh chấp hôn nhân gia đình", giữa:

Nguyên đơn: Ông **TĐT**, sinh năm 1969; HKTT: Thôn 9, xã CQ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà **NTC**, sinh năm 1975; HKTT: Thôn 9, xã CQ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 11 năm 20213.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông TĐT và bà NTC.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Về con chung: Ông TĐT và bà NTC xác nhận có 03 con chung là T1, sinh ngày 30/3/1995, T2, sinh ngày 08/11/1996 và T2, sinh ngày 18/11/2007.

Cháu T1, T2 đã đủ tuổi trưởng thành, sức khoẻ bình thường, ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

Ông TĐT, bà NTC thoả thuận giao cho bà NTC trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T3, kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà NTC tự nguyện không yêu cầu ông TĐT đóng góp nuôi con chung, kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ông TĐT có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.2] Về tài sản chung: Ông TĐT, bà NTC không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.3] Về công nợ: Ông TĐT, bà NTC xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.4] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của ông TĐT chịu cả số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng đã nộp, ông TĐT được nhận lại số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số BLTU/23/0005336 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lan Anh

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội*
- *VKSND H.Hoài Đức;*
- *Chi cục THADS H.Hoài Đức;*
- *UBND xã CQ, H.Hoài Đức, TP.Hà Nội (GCNKH số 103, quyển số 01 ngày 31/12/1998);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*